

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ KINH MÔN  
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 17-5-2022

*V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi  
con.*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ KINH MÔN, TỈNH HẢI DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đào Văn Phúc

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Hoàng Văn Ngọc và ông Nguyễn Văn Xô

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Ly – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn tham gia phiên tòa:** Bà Quách Thị Nền – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 301/2021/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2021 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 01/4/2022, Quyết định hoãn phiên tòa ngày 26/4/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lèng Thị Mai D, sinh năm 1993; nơi ĐKHKTT: KDC T, phường M, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương. Chị D có mặt.

2. Bị đơn: Anh Lãng Công C, sinh năm 1988; nơi ĐKHKTT: KDC T, phường M, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương. Anh C vắng mặt.

3. Người làm chứng: Ông Đình Văn K, sinh năm 1965, địa chỉ: KDC T, phường M, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương. Ông K vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 18/11/2021, các tài liệu có trong hồ sơ, ý kiến trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn - chị D trình bày:*

*- Về quan hệ hôn nhân:* Chị và anh Lãng Công C tự nguyện kết hôn, được UBND xã Nam Xuân, huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 17/12/2013. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống đến năm 2016 thì bắt đầu mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là vợ chồng có suy nghĩ trái ngược, bất đồng quan điểm sống, không chia sẻ với nhau, anh C mãi chơi, không chăm lo cho vợ con. Cùng năm 2016 thì anh chị cùng bố mẹ chuyển từ Đắk Nông ra KDC T, phường M, thị xã Kinh Môn, Hải Dương sinh sống. Anh

chị sống cùng bố mẹ một thời gian ngắn rồi thuê nhà ở riêng gần nhà bố mẹ đẻ chị. Do cuộc sống không có hạnh phúc, từ giữa năm 2017 chị về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, anh C vẫn ở nhà mà vợ chồng thuê ở khu T, phường M, thị xã Kinh Môn. Anh chị sống ly thân từ đó đến nay. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh C.

- *Về con chung*: Chị và anh C có 01 con chung là cháu Lăng Mai Diễm M, sinh ngày 24/9/2015, hiện đang ở cùng chị và ông bà ngoại. Sau khi vợ chồng ly hôn, chị xin tiếp tục nuôi con đến khi cháu trưởng thành và tự nguyện không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con. Chị làm công nhân Công ty TNHH Điện tử Poyun VN, thu nhập bình quân khoảng 08 triệu đồng/tháng.

- *Về tài sản, nợ chung*: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn là anh C: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như các văn bản tố tụng khác cho anh C. Tuy nhiên, anh không đến Tòa trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu của chị D.

Xác minh, ông Trưởng khu dân cư T cho biết: Anh C, chị D có đăng ký hộ khẩu tại khu T, phường M, thị xã Kinh Môn, Hải Dương. Anh chị kết hôn ở đâu thì ông không nắm được nhưng về sinh sống tại địa chỉ trên từ khoảng năm 2016 đến nay. Chị D, anh C vẫn ở KDC T, phường M, chị D đi làm công ty, sáng đi tối về, còn anh C làm công việc gì ông không nắm được nhưng không thường xuyên có mặt ở nhà, thỉnh thoảng thấy anh về 1 đến 2 hôm rồi lại đi.

Ông Đinh Văn K (là bố đẻ của chị D) cho biết: Con gái ông là Lèng Thị Mai D, chị D được lấy họ mẹ (bà Lèng Thị Đồi) để được hưởng một số chính sách khi còn ở tỉnh Đắk Nông. Chị D và anh C kết hôn và sinh sống tại tỉnh Đắk Nông đến năm 2016 thì cùng gia đình chuyển ra phường M, Kinh Môn sống cùng ông bà được mấy tháng thì anh chị ra ở riêng gần nhà ông bà. Quá trình chung sống anh chị xảy ra nhiều mâu thuẫn, nên chị D đã bỏ về chung sống cùng chúng tôi. Chị D, anh C có con chung là cháu Lăng Mai Diễm M ở cùng ông bà từ nhỏ đến nay. Anh C không có việc làm ổn định, thường xuyên đi đâu, làm gì ông không nắm được, thỉnh thoảng có về nhà nhưng cũng không quan tâm đến con cái nhiều. Trường hợp Tòa án giải quyết cho chị D ly hôn và giao con cho chị D nuôi, ông bà sẽ tạo điều kiện về chỗ ở cũng như chăm sóc cháu một cách tốt nhất.

#### **Tại phiên tòa:**

Nguyên đơn – chị D vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn với anh C, xin tiếp tục nuôi con và tự nguyện không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

Bị đơn – anh C đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

*Về tố tụng:* Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Nguyên đơn chấp hành đúng, bị đơn chưa chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự.

*Về nội dung:* Mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, đề nghị Tòa án xử chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn, cho chị D ly hôn anh C theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Về con chung: Căn cứ Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình, giao cho chị D tiếp tục nuôi con chung là cháu Lăng Mai Diễm M, sinh ngày 24/9/2015 đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi), chấp nhận sự tự nguyện của chị D không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản, nợ chung: Các bên không yêu cầu, nên không xem xét; Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 BLTTDS; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra công khai tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] *Về Tố tụng:* Bị đơn – anh C có nơi cư trú tại phường M, thị xã Kinh Môn nên yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Anh C vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do, người làm chứng vắng mặt nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228, Điều 229 BLTTDS, HĐXX xét xử vắng mặt anh C và người làm chứng.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị D và anh C có đủ điều kiện, tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền là hôn nhân hợp pháp.

[3] Căn cứ lời khai của nguyên đơn, biên bản xác minh và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở để xác định: Quá trình cùng chung sống, chị D và anh C đã xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng không còn tôn trọng, quan tâm, giúp đỡ, chia sẻ với nhau. Anh C không có việc làm ổn định, thường xuyên vắng nhà, không chăm lo, không có trách nhiệm với gia đình. Tòa án đã triệu tập anh C để hòa giải nhiều lần, tuy nhiên anh C không đến Tòa án để trình bày quan điểm và không tham gia phiên hòa giải không có lý do, cũng không về đoàn tụ chung sống cùng chị D. Điều đó thể hiện việc anh C không mong muốn vợ

chồng đoàn tụ để xây dựng gia đình ấm no, hạnh phúc. Chị D vẫn cương quyết đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh C. Như vậy, thấy rằng anh chị đã vi phạm quyền và nghĩa vụ của vợ chồng theo Điều 19 Luật HNGĐ, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, HĐXX chấp nhận yêu cầu của chị D, xử cho chị D ly hôn anh C là phù hợp quy định tại Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] *Về con chung*: Cháu Lăng Mai Diễm M, sinh ngày 24/9/2015, hiện đang ở cùng chị D. Để đảm bảo sự ổn định và sự chăm sóc tốt nhất cho cháu, cần giao cháu M cho chị D tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi) là phù hợp; chị D làm công nhân Công ty, thu nhập bình quân đủ để đảm bảo cho cuộc sống và nuôi con nên chấp nhận sự tự nguyện của chị D không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại các điều 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[5] *Về tài sản chung, nợ chung*: Chị D, anh C đều không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] *Về án phí*: Chị D phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

[7] *Về quyền kháng cáo*: Chị D, anh C có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 229; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của chị Lăng Thị Mai D.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lăng Thị Mai D ly hôn anh Lăng Công C.

1.2. Về con chung: Giao cháu Lăng Mai Diễm M, sinh ngày 24/9/2015 (đang ở cùng chị D) cho chị D tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chấp nhận sự tự nguyện của chị D không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người

không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

2. Về án phí: Chị Lèng Thị Mai D phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương theo biên lai số AA/2020/0001057 ngày 26/11/2021, chị D đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- Nguyên đơn, bị đơn;
- VKSND thị xã Kinh Môn;
- UBND xã Nam Xuân, huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông (số GCNKH 66.2013);
- Chi cục THADS thị xã Kinh Môn;
- Công bố trên CTTĐT TANDTC;
- Lưu hồ sơ, VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Đào Văn Phúc**